

GIÁY ĐỀ NGHỊ KIÊM HỢP ĐỒNG CẤP HẠN MỨC TÍN DỤNG THỂ, PHÁT HÀNH & SỬ DỤNG THỂ TÍN DỤNG, MỞ & SỬ DỤNG TÀI KHOẢN THANH TOÁN, PHÁT HÀNH & SỬ DỤNG THỂ GHI NỢ VÀ DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐIỆN TỬ

Số: Ngày/....

| Kính gửi: Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank) – Chi nhánh/Phòng giao dịch: |
|--|
| Mã số doanh nghiệp: 0100233583, ngày cấp lần đầu: 08/09/1993 |
| Địa chỉ trụ sở: |
| I. THÔNG TIN KHÁCH HÀNG |
| 1. Thông tin cá nhân |
| Họ và tên: Giới tính: □ Nam □ Nữ |
| (Đồng thời là tên Tài khoản thanh toán trong trường hợp Khách hàng đăng ký mở Tài khoản thanh toán theo |
| Mục 4 Phần II Giấy Đề nghị này) |
| Ngày sinh: |
| Số CMND/CCCD: |
| Ngày cấp: |
| Mã số thuế (nếu Khách hàng đã được cấp Mã số thuế): |
| Quốc tịch: Việt Nam |
| Đối tượng: 🗆 Cư trú 💢 Không cư trú |
| Khách hàng có thẻ xanh ở Hoa Kỳ/công dân Hoa Kỳ/đối tượng cư trú tại Hoa Kỳ |
| (Phần thông tin theo FATCA này không bắt buộc phải thu thập tiếp nếu Chủ thẻ chính đã là Khách hàng hiện |
| hữu của VPBank; giải thích "Đối tượng cư trú của Hoa Kỳ" tại Điều khoản và điều kiện về tuân thủ đạo luật |
| FATCA): |
| ☐ Không ☐ Có, vui lòng cung cấp mã số thuế Hoa Kỳ U.S. TIN ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ ☐ |
| Địa chỉ nơi ở hiện tại: |
| Phường/Xã:Quận/Huyện:Tỉnh/TP: |
| Ngày bắt đầu ở tại địa chỉ nơi ở hiện tại: |
| Địa chỉ thường trú: |
| ☐ Địa chỉ thường trú trùng với Địa chỉ nơi ở hiện tại, hoặc |
| ☐ Địa chỉ khác: |
| Phường/Xã:Quận/Huyện:Tỉnh/TP: |
| Điện thoại nhà: |
| Điện thoại di động: Email: |
| (Số điện thoại di động và email được đăng ký nêu trên sẽ là số điện thoại và email mặc định cho giao dịch ngân |
| hàng điện tử mà Khách hàng đăng ký tại Giấy Đề nghị này và các giao dịch khác mà theo quy định của VPBank |
| từng thời kỳ Khách hàng phải thực hiện thông qua số điện thoại, email đăng ký. Riêng đối với Dịch vụ VPBank |
| SMS, Khách hàng có thể đăng ký thêm số điện thoại khác theo thông tin tại Mục 3 Phần II của Giấy Đề nghị |
| này). |
| |
| |

| —————————————————————————————————————— | |
|--|--|
| Trình độ học vấn | ☐ Dưới THCS |
| | □ THCS |
| | THPT |
| | ☐ Chứng chỉ nghề/trung cấp |
| | ☐ Cao đẳng — |
| | ☐ Đại học |
| · | ☐ Sau đại học |
| Tình trạng hôn nhân: ☐ Độc thân | ☐ Đã kết hôn ☐ Ly hôn/Ly thân/Góa |
| | ☐ Nhà riêng |
| | ☐ Nhà người thân/họ hàng |
| Hình thức sở hữu nhà | ☐ Nhà thuê |
| Tillin mae so naa ma | ☐ Nhà mua trả góp |
| | ☐ Nhà công ty |
| | ☐ Nhà sở hữu chung với người khác |
| Số người phụ thuộc: | Số con: |
| | □ Nhận lương |
| | ☐ Thanh toán, chuyển tiền, kinh doanh trong nước |
| Mục đích của Khách hàng trong n | mối 🗖 Thanh toán, chuyển tiền, kinh doanh quốc tế |
| quan hệ với VPBank* | ☐ Quản lý dòng tiền |
| | ☐ Các mục đích khác phục vụ đời sống |
| | ☐ Khác (Xin ghi rõ) |
| 2. Thông tin nghề nghiệp | |
| Tình trạng việc làm: Toàn thời g | gian 🗆 Bán thời gian 🗆 Nghỉ hưu |
| ☐ Chủ doanh | nghiệp □ Chưa có việc làm |
| Nghề nghiệp: | |
| Chức vụ: | |
| | oản 🗆 Tiền mặt 🗆 Chuyển khoản và tiền mặt |
| Tên cơ quan: | |
| Điện thoại cơ quan: | |
| Địa chỉ cơ quan: | |
| Phường/Xã: | Quận/Huyện: Tỉnh/TP: |
| Ngày bắt đầu ở tại địa chỉ nơi ở hiện to | ại: |
| Mã số thuế: | |
| Lĩnh vực hoạt động của cơ quan (ngâ | ın hàng, xây dựng,): |
| Loại hình hoạt động của cơ quan: | ☐ Công ty/Ngân hàng cổ phần ☐ Công ty TNHH |
| | ☐ Doanh nghiệp tư nhân ☐ Công ty liên doanh |
| | ☐ Công ty/Tập đoàn nước ngoài ☐ Công ty/Đơn vị trực thuộc nhà nước |
| | ☐ Hộ kinh doanh |
| | • |
| Tổng thời gian làm việc tại cơ quan tr | rước đây (nếu có): tháng |

| Họ và tên (người thứ nhất): | |
|-----------------------------|--|
| Điện thoại di động: | |
| Mối quan hệ với khách hàn | |
| □ Vợ/chồng | Số CMND/Hộ chiếu/CCCD: |
| ☐ Khác, ghi rõ | |
| Họ và tên (người thứ hai): | |
| Điện thoại di động: | |
| Mối quan hệ với Khách hàn | ng: |
| 4. Thông tin tài chính | |
| Thu nhập trung bình sau th | uế hàng tháng (VND): |
| Tổng số tiền trả nợ hàng th | áng của Khách hàng (VND): |
| II. NỘI DUNG ĐỀ NGH | Į SỬ DỤNG SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CỦA VPBANK |
| 1. Đề nghị cấp Hạn mức | tín dụng thẻ |
| • | ghị (VND): |
| (Hạn mức này có thể thay đ | đổi theo quyết định của VPBank) |
| Thời hạn hiệu lực của Hạn | mức tín dụng thẻ: Theo quy định của VPBank |
| Mục đích cấp tín dụng: Phụ | ıc vụ nhu cầu đời sống |
| Trường hợp được VPBan | k đồng ý cấp Hạn mức tín dụng thẻ như nêu trên, Tôi đề nghị: |
| - VPBank phát hành | Thẻ tín dụng đầu tiên theo thông tin đăng ký tại Mục 2 Phần II Giấy Đề nghị này |
| ("Thẻ tín dụng đầu | tiên"). |
| - Ngoài Thẻ tín dụng | đầu tiên, đề nghị VPBank xem xét phát hành nhiều loại Thẻ tín dụng khác để Tôi |
| có thể sử dụng Hạn | mức tín dụng Thẻ được cấp khi Tôi có đề nghị phát hành thêm Thẻ tín dụng qua |
| điện thoại, qua Dịcl | h vụ VPBank NEO hoặc các phương thức khác được VPBank triển khai từng thời |
| | sao kê, ngày thanh toán, lãi suất, hạn mức sử dụng và các nội dung khác của Thẻ sẽ đổi với Tôi tại thời điểm Tôi đề nghị phát hành Thẻ. |
| | ửa từng Thẻ tín dụng và Hạn mức sử dụng của tất cả các Thẻ tín dụng mà Khách |
| = | h không vượt quá Hạn mức tín dụng thẻ được VPBank cấp. |
| • | g chung đối với tất cả các Thẻ tín dụng được phát hành: |
| <i>C</i> · 1 · · · | |
| Tên in trên Thẻ: | |
| ☐ Đăng ký thanh toán tự | Số tài khoản: |
| động: | Tỷ lệ thanh toán: |
| | ☐ Thanh toán tối thiểu |
| | ☐ Thanh toán toàn bộ |
| Địa chỉ nhận Thẻ (áp | ☐ Địa chỉ nơi ở hiện tại nêu tại Mục 1 Phần I Giấy Đề nghị này |
| dụng với Thẻ vật lý) và | ☐ Địa chỉ cơ quan nêu tại Mục 2 Phần I Giấy Đề nghị này |
| PIN (áp dụng với phát | ☐ Tại VPBank Chi nhánh/PGD: |
| hành PIN bằng giấy): | |
| Phương thức gửi sao kê | Qua Email theo địa chỉ Email đã đăng ký tại VPBank |
| .i | |

| yanaanaanaanaanaanaanaanaanaanaanaanaana | | | | | | | |
|--|---|--|--|--|--|--|--|
| Phương thức kích hoạt Thẻ: | Câu hỏi bảo mật (tối đa 35 ký tự) tiểu học của Chủ thẻ chính: |): Họ và tên mẹ của Chủ thẻ chính/Tên trường | | | | | |
| | Để kích hoạt Thẻ, Khách hàng sẽ kích hoạt Thẻ bằng hình thức gọi điện thoại lên tổng đài CSKH 24/7. Ngoài hình thức kích hoạt nêu trên, Khách hàng có thể kích hoạt Thẻ thông qua (các) hình thức kích hoạt khác được VPBank triển khai từng thời kỳ. | | | | | | |
| Các vấn đề khác liên qua | ⊥ n đến việc sử dụng Hạn mức tín dụ | ng thẻ được cấp (bao gồm cả nội dung về hạn | | | | | |
| mức giao dịch của Thẻ tín | n dụng) thực hiện theo quy định của | VPBank. | | | | | |
| Trường hợp tại thời điểm | đề nghị phát hành Thẻ (không bao g | gồm Thẻ tín dụng đầu tiên), Khách hàng có nhu | | | | | |
| cầu thay đổi thông tin đặ | ng ký riêng cho Thẻ đó, Khách hàn | g sẽ thực hiện đăng ký thay đổi thông tin theo | | | | | |
| quy định của VPBank tại | thời điểm đề nghị phát hành. | | | | | | |
| 2. Đề nghị phát hành Th | ể chính Thể tín dụng đầu tiên | | | | | | |
| Đăng ký phát hành Thẻ v | ⁄ật lý, cụ thể: | | | | | | |
| Loại thẻ đề nghị đăng ký: | | | | | | | |
| ☐ VPBank MC2 MasterC | ard ard | ☐ VPBank Number 1 MasterCard | | | | | |
| ☐ VPBank Lady MasterC | ard | ☐ VPBank Stepup MasterCard | | | | | |
| ☐ VPBank Titanium Casł | nback MasterCard | ☐ VPBank Platinum Cashback MasterCard | | | | | |
| ☐ VPBank Platinum Mas | sterCard | ☐ VPBank Gold Travel Miles Visa | | | | | |
| ☐ VPBank Platinum Trav | rel Miles Visa | ☐ VPBank SignatureTravel Miles Visa | | | | | |
| ☐ VPBank Mobifone Cla | ssic MasterCard | ☐ VPBank Mobifone Titanium MasterCard | | | | | |
| ☐ VPBank Shopee Plating | um Visa | ☐ VPBank Super Shopee Platinum Visa | | | | | |
| ☐ VPBank California Cer | nturyon Signature Visa | ☐ VPBank California Fitness Platinum Visa | | | | | |
| ☐ VPBank World Master | Card | ☐ VPBank World Lady MasterCard | | | | | |
| □ VPBank Z JCB | | ☐ VPBank Pharmacity Platinum MasterCard | | | | | |
| ☐ VPBank Platinum VN | NA MasterCard. Số thẻ hội viên | | | | | | |
| Bông sen vàng: | | | | | | | |
| | | | | | | | |
| 0 0 1 | ưa có thẻ hội viên Bông sen vàng, | | | | | | |
| Tôi đồng ý để VPBank đ | ại diện Tôi đăng ký tham gia hội | | | | | | |
| viên Bông Sen Vàng với V | 'NA | | | | | | |
| | | | | | | | |
| <u>-</u> | • ' | | | | | | |
| (Hạn mức này có thể thay c | đổi theo quyết định của VPBank) | | | | | | |
| Lãi suất, thời hạn hiệu lực, | ngày sao kê, kỳ sao kê, ngày đến h | ạn thanh toán, phương thức kích hoạt Thẻ: Theo | | | | | |
| quy định của VPBank | | | | | | | |
| = | Thẻ tín dụng phi vật lý gắn với Thẻ | | | | | | |
| <u> </u> | <u> </u> | | | | | | |
| (Hạn mức này có th | iể thay đổi theo quyết định của VPB | Bank) | | | | | |

¹ Nội dung này chỉ được hiển thị khi chính sách của VPBank cho phép việc phát hành Thẻ phi vật lý kèm theo.

- Loại Thẻ, lãi suất, thời hạn hiệu lực, ngày sao kê, kỳ sao kê, ngày đến hạn thanh toán, phương thức kích hoạt Thẻ: Giống với Thẻ vật lý Khách hàng đăng ký nêu trên.

Quý khách lưu ý:

- Thẻ phi vật lý được VPBank phát hành dưới dạng thẻ điện tử, không được in thành thẻ vật lý để sử dụng. Quý khách vui lòng truy cập Dịch vụ VPBank NEO để xem thông tin Thẻ.
- Thẻ phi vật lý chỉ được sử dụng để thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ trên môi trường Internet, chương trình ứng dụng trên thiết bị di động.
- Các nội dung khác liên quan đến phát hành và sử dụng Thẻ, vui lòng tham khảo tại Điều kiện giao dịch chung về cấp tín dụng dành cho khách hàng cá nhân tại VPBank được VPBank niêm yết trên website http://www.vpbank.com.vn, tại Quầy giao dịch và trên các phương tiện khác theo quy định của VPBank.

| Đăng ký sử dụng dịch vụ VPBank NEO ² (Áp dụng đối với Khách hàng chưa đăng ký): | |
|---|--------------|
| Gói Dịch vụ: 🗆 Gói tiêu chuẩn 🗆 Gói truy vấn | |
| Tên truy cập: | |
| (Trường hợp Khách hàng không đăng ký hoặc thông tin đăng ký của Khách hàng bị trùng khớp, V | PBank mặc |
| định tên truy cập là Số điện thoại đăng ký của Khách hàng hoặc thông tin mặc định khác theo chín | nh sách của |
| VPBank và được thông báo đến Khách hàng sau khi phê duyệt). | |
| Hình thức nhận mã khóa bí mật dùng một lần (OTP): Qua Ứng dụng VPBank Smart OTP. Việc th | ay đổi sang |
| các hình thức nhận OTP khác (qua Email/SMS) thực hiện theo đăng ký của Khách hàng hoặc the | o thông báo |
| của VPBank từng thời kỳ. | |
| Đăng ký sử dụng dịch vụ Phone Banking³ (Áp dụng đối với với Khách hàng chưa đăng ký): | |
| - Số điện thoại đăng ký: Theo thông tin đăng ký nêu tại Phần I của Giấy Đề nghị này. | |
| - Các giao dịch, hoạt động được thực hiện qua Phone Banking thực hiện theo quy định của V | PBank từng |
| thời kỳ. | |
| Đăng ký sử dụng dịch vụ khác (Áp dụng đối với với Khách hàng chưa đăng ký): | |
| □ VPBank SMS: Số điện thoại đăng ký: Theo thông tin nêu tại Phần I của Giấy Đề nghị này, trườn | ıg hợp đăng |
| ký thêm số điện thoại xin ghi rõ: | |
| Khách hàng đã đăng ký sử dụng DV NHĐT nêu trên có thể được sử dụng các DV NHĐT khác | do VPBank |
| cung cấp từng thời kỳ. Trình tự, thủ tục, điều kiện sử dụng DV NHĐT, thực hiện theo quy định cu | ủa VPBank. |
| 4. Đề nghị mở Tài khoản thanh toán | |
| Số tài khoản: Dăng ký mở Tài khoản thanh toán số đẹp: Phí Dịch vụ mở Tài khoản thanh toán số đẹp: | hanh toán |
| ; hoặc số đẹp (trường hợp có đăng l | κ ý): |
| □Đăng ký mở Tài khoản thanh toán sốVND | |
| thường theo quyết định của VPBank (Bằng chữ: |) |

² Dịch vụ VPBank NEO là dịch vụ ngân hàng trên Internet của VPBank, được chuyển đổi từ Dịch vụ VPBank Online. Dịch vụ VPBank NEO được VPBank cung cấp cho Khách hàng thông qua các phiên bản: website của VPBank, giao diện website/ứng dụng của VPBank được cài đặt trên thiết bị điện tử hoặc các phiên bản khác theo chính sách của VPBank từng thời kỳ.

³ Dịch vụ Phone Banking là dịch vụ ngân hàng qua điện thoại của VPBank, được VPBank cung cấp cho Khách hàng thông qua cuộc gọi từ số điện thoại đã đăng ký của Khách hàng đến tổng đài điện thoại được VPBank thông báo từng thời kỳ

| Loại tài khoản: | ••••• | | | | | Lo | ại tiềi | n: VN | ND | | | | |
|-------------------------------|-----------------|--------------|-------------------------|------------|-------|----------|---------|--------|--------|-----------------|--------|---------|--------|
| Trong trường hợp Tơ | î | hưng không | được r | nở Tài kh | oản | thanh | toán s | số đẹp | o do k | chông | đáp ú | ng th | ео qиу |
| định của VPBank, To | | | | | | | | _ | | _ | _ | _ | |
| định của VPBank). | | | | | | | | | | | | | |
| 5. Đề nghị mở Thế | ghi nợ quố | c tế | | | | | | | | | | | |
| Đăng ký phát hàn | h Thẻ ghi ng | y vật lý nhu | r sau: | | | | | | | | | | |
| Loại Thẻ: □ Thẻ q | luốc tế VPBa | nk Visa Prir | ne Plat | tinum Del | oit 🛭 | ∃ Thẻ d | quốc t | ế khá | c: | | | | |
| Tài khoản liên kết | với Thẻ: Tà | i khoản tha | nh toái | n theo đăr | ıg ký | y tại M | uc II. | 1 Giấ | y Đề | nghị r | này. | | |
| Tên in trên Thể: | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | |
| Thông tin kích ho | ạt Thẻ (Khác | ch hàng lựa | chọn r | một trong | các | thông | tin di | rới đơ | îy để | đăng l | ký): | l | |
| Câu hỏi bảo mật | : | | | | N | Mã bảo | o mật | (gồn | 14 ch | ıữ số): | : 🗆 🗆 | | |
| ☐ Họ và tên mẹ: . | | | | | | | | | | | | | |
| ☐ Tên trường tiểu | học: | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | |
| Trường hợp Tôi đ | ã được VPB: | ank phát hàr | nh các | thẻ ghi nơ | r khá | ic để si | ử dun | g. Tô | i đề n | ghi V | PBan | k sử d | lung |
| thông tin đăng ký | | = | | _ | | | | _ | | _ | | | - |
| cả các thẻ ghi nợ c | | | , 111 41 0 0 | | | 5 | 110112 | , | | 81410 | | | |
| Đăng ký nhận The | | | t hành | □ Ta | i đia | chỉ: | | | | | | | |
| □ ⁴ Có đăng ký phá | | - | | • | • | | | | | | ý phá | t hànl | n Thẻ |
| phi vật lý giống với | _ | - | | | - 6 | |) (| | , | | J F | | |
| Quý khách lưu ý: | 8 | 8 3 | , , , | | | | | | | | | | |
| - Thẻ ghi nợ phi | vật lý được | phát hành g | gắn với | i Thẻ ghi | no v | ât lý v | à tồn | tai dı | rới đơ | ang th | ẻ điêr | ı tử. k | hông |
| được in ra thài | | _ | | _ | | - | | | | _ | | | _ |
| tin Thẻ; | | | £ , | | | | ·r:- | | | | | | |
| - Thẻ ghi nợ phi | vật lý chỉ đị | ước sử dung | để th | anh toán | tiền | hàng l | hoá. a | lich v | u trêi | n môi | trườn | g Inte | ernet. |
| chương trình ú | - | _ | | | | 0 | Í | • | • | | | O | , |
| - Các nội dung k | | _ | _ | à sử dung | Thể | vui lõ | ong th | am k | hảo tơ | ai Điề i | u kiên | ı giao | dich |
| chung về cung | - | - | | | | _ | _ | | | | - | _ | - |
| được VPBank i | _ | _ | _ | | | _ | | _ | _ | | | | |
| tiện khác theo c | | | • | | | | . ~ | , 0 | • | | | 1 | O |
| | | | | | | | | | | | | | |
| HI VÍCANIÂN | CANTIZÂT | CÎ A TZITÂ | | ìNC | | | | | | | | | |
| III. XÁC NHẬN, | CAWI KET | CUA KHA | CH HA | ANG | | | | | | | | | |

Bằng việc ký tên dưới đây, Khách hàng xác nhận và cam kết rằng:

1. Các thông tin nêu trên là chính xác, cập nhật và đầy đủ, đúng sự thật (bao gồm cả thông tin về Mã số thuế). Tôi

⁴ Nội dung này chỉ được hiển thị khi chính sách của VPBank cho phép việc phát hành Thẻ phi vật lý kèm theo.

đồng ý để VPBank xác thực các thông tin nêu trên từ bất kỳ nguồn thông tin nào mà VPBank có được.

- 2. Đã được VPBank cung cấp đầy đủ thông tin về các sản phẩm, dịch vụ mà Tôi đăng ký tại Giấy Đề nghị kiêm Hợp đồng này, thông tin về Điều kiện giao dịch chung về cung cấp và sử dụng dịch vụ phi tín dụng áp dụng đối với Khách hàng cá nhân tại VPBank, Điều kiện giao dịch chung về cấp tín dụng dành cho Khách hàng cá nhân tại VPBank, Bản Điều khoản và Điều kiện về tuân thủ FATCA dành cho Khách hàng cá nhân (sau đây gọi chung là "Điều kiện giao dịch chung") trước khi ký kết Hợp đồng với VPBank. Điều kiện giao dịch chung được VPBank niêm yết trên website http://www.vpbank.com.vn, tại Quầy giao dịch và trên các phương tiện khác theo quy định của VPBank. Các điều khoản của Điều kiện giao dịch chung đã bảo đảm được sự bình đẳng giữa Tôi và VPBank trong các giao dịch về dịch vụ này; khi Tôi chấp nhận ký vào Giấy Đề nghị kiêm Hợp đồng này thì coi như Tôi đã chấp nhận các điều khoản, điều kiện tại Điều kiện giao dịch chung, bao gồm cả các điều khoản về miễn trách nhiệm của mỗi bên, tăng trách nhiệm hoặc loại bỏ quyền lợi chính đáng của bất kỳ bên nào. VPBank được quyền sửa đổi, bổ sung, điều chính bất kỳ điều khoản, điều kiện nào của Điều kiện giao dịch chung, chính sách dịch vụ mà VPBank cho là phù hợp tùy theo quyết định của VPBank trên cơ sở đảm bảo nội dung sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh này phù hợp với quy định pháp luật có liên quan.
- 3. Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành & sử dụng Thẻ tín dụng, mở & sử dụng Tài khoản thanh toán (nếu có), phát hành & sử dụng Thẻ ghi nợ (nếu có) và dịch vụ ngân hàng điện tử (nếu có) giữa Tôi và VPBank được tạo lập bởi: (i) Giấy Đề nghị kiêm Hợp đồng này và (ii) Điều kiện giao dịch chung. Các hợp đồng nêu trên sau đây gọi chung là "**Hợp đồng**".
- 4. Nhằm đảm bảo được cung cấp thông tin kịp thời trong quá trình sử dụng sản phẩm/dịch vụ của VPBank, bằng việc khai báo các thông tin nêu trên và ký, xác nhận đồng ý với Giấy Đề nghị kiêm Hợp đồng này, Tôi xác nhận đồng ý nhận thông tin, thông báo (bao gồm cả thông tin quảng cáo, khuyến mại) về các sản phẩm, dịch vụ, ưu đãi, chương trình, hoạt động,... của VPBank thông qua tin nhắn, thư điện tử, cuộc gọi điện thoại và các phương tiện khác được VPBank triển khai từng thời kỳ. Nếu từ chối nhận các thông tin nêu trên, Tôi sẽ gọi đến hotline 1900545415 hoặc theo các phương thức khác được VPBank thông báo từng thời kỳ trên website chính thức của VPBank.
- 5. Trường hợp Tôi giao kết Hợp đồng này bằng Chữ ký điện tử, Chữ ký điện tử của Tôi được tạo lập dưới dạng từ, chữ, số, ký hiệu,... được VPBank xác nhận thông qua việc Tôi thực hiện các hành động như kê khai thông tin đăng ký sử dụng sản phẩm, dịch vụ, kích chọn chấp thuận/tiếp tục trên hệ thống; được VPBank nhận diện và xác minh thông qua các dấu hiệu sinh trắc học (khuôn mặt...) và nhập mã OTP để xác nhận hoàn tất giao dịch. Hợp đồng được coi là đã được giao kết bởi Tôi khi VPBank xác thực được Tôi và sự chấp thuận của Tôi thông qua xác thực các yếu tố và quá trình Tôi thực hiện các hành động để hoàn tất giao dịch nêu trên.
- 6. Đã được VPBank cung cấp đầy đủ thông tin liên quan đến việc giao, nhận Hợp đồng và:
 - Trường hợp Tôi giao kết Hợp đồng bằng Chữ ký điện tử: VPBank sẽ gửi 01 (một) bản Hợp đồng đến Email đăng ký của Tôi tại Mục I Giấy Đề nghị kiêm Hợp đồng này hoặc các phương thức phù hợp khác theo quy định của VPBank từng thời kỳ.
 - Trường hợp Tôi ký kết Hợp đồng bằng chữ ký trực tiếp (Hợp đồng bản giấy): Tôi đồng ý đến Chi nhánh/Phòng giao dịch của VPBank để nhận Hợp đồng và tuân thủ các yêu cầu, quy định của VPBank liên quan đến việc nhận Hợp đồng.
- 7. KH xác nhận: (i) Không có Chủ sở hữu hưởng lợi khác⁵ và (ii) không phải là người nhận ủy thác theo các thỏa thuận

⁵ Chủ sở hữu hưởng lợi khác gồm các cá nhân (không phải là Khách hàng): (i) Cá nhân sở hữu thực tế một tài khoản hoặc chi phối hoạt động của tài khoản đó , (ii) Cá nhân thiết lập mối quan hệ và thực tế chi phối mối quan hệ.

pháp lý ⁶.

- 8. Đối với cấp hạn mức tín dụng thẻ và phát hành Thẻ tín dụng:
- i. Hạn mức tín dụng thẻ, thời hạn hiệu lực của Hạn mức tín dụng thẻ, lãi suất áp dụng và các nội dung khác nêu tại Giấy Đề nghị kiêm Hợp đồng này chỉ là đề xuất của Tôi để VPBank xem xét và sẽ được quyết định sau khi VPBank thẩm định các điều kiện cấp Hạn mức tín dụng thẻ theo quy định của VPBank. Nếu nội dung chấp thuận của VPBank khác với nội dung mà Tôi đề nghị thì nội dung chấp thuận của VPBank sẽ có giá trị áp dụng và được coi là thỏa thuận chính thức giữa Tôi và VPBank. Bằng việc kích hoạt Thẻ tín dụng đầu tiên, Tôi xác nhận và đồng ý chịu ràng buộc nghĩa vụ với VPBank theo toàn bộ nội dung tại Giấy Đề nghị kiêm Hợp đồng này, Điều kiện giao dịch chung và các nội dung thông báo của VPBank về Hạn mức tín dụng thẻ, lãi suất, phí, ... tại Thư chào mừng và/hoặc sao kê hàng tháng của Thẻ tín dụng VPBank gửi cho Tôi.
- ii. Với các Thẻ tín dụng được VPBank phát hành thêm để sử dụng Hạn mức tín dụng thẻ theo đề nghị qua điện thoại, qua VPBank NEO hoặc các phương thức khác được VPBank triển khai từng thời kỳ, Tôi đồng ý rằng: Bằng việc VPBank đã tiếp nhận đề nghị của KH, Thẻ tín dụng vật lý đã được giao tới địa chỉ mà KH đăng ký/thông tin Thẻ tín dụng phi vật lý được ghi nhận trên VPBank NEO và đã được VPBank thông tin cho Tôi; và Thẻ đã được kích hoạt theo quy định của VPBank, Tôi đồng ý chịu trách nhiệm đối với tất cả các giao dịch được thực hiện bởi các Thẻ này như được ghi nhận trên hệ thống của VPBank và Sao kê gửi đến Tôi.
- iii. VPBank được thực hiện các biện pháp nhắc nợ từ xa và các biện pháp thu hồi nợ theo quy định của VPBank từng thời kỳ. Trường hợp KH không thanh toán đúng hạn các khoản nợ, nghĩa vụ tài chính liên quan trong quá trình sử dụng Hạn mức tín dụng thẻ cho VPBank, VPBank được tự động tạm khóa, trích, tất toán tài khoản (có kỳ hạn, không kỳ hạn) của Tôi tại VPBank, các khoản tiền gửi, tài sản gửi khác của Tôi tại VPBank hoặc lập ủy nhiệm thu yêu cầu các tổ chức tín dụng mở tài khoản cho Tôi trích tiền chuyển cho VPBank để (i) Thanh toán các khoản nợ đến hạn, quá hạn, các khoản lãi khác phát sinh trong quá trình sử Hạn mức tín dụng thẻ; (ii) Thanh toán, bù trừ các khoản nợ đến hạn, quá hạn, các khoản lãi và các nghĩa vụ tài chính khác của Tôi tại VPBank và xử lý các trường hợp khác theo thỏa thuận giữa Tôi và VPBank.
- iv. Đồng ý với việc được đánh giá xếp hạng tín dụng thông qua những phân tích từ các nguồn dữ liệu khác bao gồm nhưng không giới hạn: nguồn dữ liệu Công nghệ thông tin, viễn thông,... và VPBank được quyền sử dụng kết quả đánh giá xếp hạng tín dụng (nếu có) vào quá trình ra quyết định cấp Hạn mức tín dụng thẻ, phát hành Thẻ tín dụng.
- v. Căn cứ quy định pháp luật về hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng và các quy định pháp luật có liên quan, Tôi và VPBank cùng bàn bạc, thống nhất thỏa thuận về việc cung cấp thông tin tín dụng cho công ty thông tin tín dụng như sau:
 - Tôi đồng ý cho VPBank cung cấp thông tin tín dụng của Tôi tại VPBank cho bất kỳ công ty, tổ chức nào hoạt động trong lĩnh vực thông tin tín dụng ("Công ty thông tin tín dụng") mà VPBank là tổ chức tham gia.
 - Tại thời điểm ký kết Giấy Đề nghị kiêm Hợp đồng này, VPBank đã thông báo với Tôi thông tin về Công ty thông tin tín dụng mà VPBank tham gia như sau: Công Ty Cổ phần Thông tin tín dụng Việt Nam (PCB), Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: số 0102547296, đăng ký lần đầu: ngày 27/11/2007. Trường hợp VPBank là tổ chức tham gia của bất kỳ Công ty thông tin tín dụng nào khác, VPBank sẽ thông báo cho Tôi trong thời hạn tối đa 10 ngày làm việc kể từ ngày VPBank cam kết cung cấp thông tin tín dụng cho Công ty thông tin tín dụng đó hoặc trong một thời hạn khác theo quy định của pháp luật.
 - Nội dung thông tin tín dụng VPBank được cung cấp bao gồm các thông tin là dữ liệu, số liệu, dữ kiện liên quan

⁶ Thỏa thuận pháp lý là thỏa thuận dưới hình thức ủy thác hoặc hình thức khác có bản chất tương tự được xác lập theo pháp luật nước ngoài, cho phép bên nhận ùy thác được nhận chuyển giao quyền sở hữu hợp pháp tài sản từ bên ùy thác để thực hiện điều hành, quản lý, giám sát tài sản vì lợi ích của người thụ hưởng hoặc vì mục đích được xác định trong thỏa thuận.

- của Tôi tại VPBank bao gồm nhưng không giới hạn thông tin định danh, lịch sử cấp tín dụng, lịch sử trả nợ, bảo đảm thực hiện nghĩa vụ ... và các thông tin khác được cung cấp/thu thập theo quy định của pháp luật. Việc cung cấp thông tin tín dụng sẽ được VPBank thực hiện phù hợp với quy định của Chính phủ về hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng và các quy định pháp luật khác liên quan.
- Trường hợp Công ty thông tin tín dụng mà VPBank tham gia bị thu hồi Giấy chứng nhận, VPBank sẽ ngừng cung cấp thông tin tín dụng của Tôi cho Công ty thông tin tín dụng đó và Tôi đồng ý rằng thông tin tín dụng của Tôi sẽ được xử lý theo quy định của Chính phủ về hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng. VPBank sẽ thông báo với Tôi về việc xử lý thông tin tín dụng của Tôi trong thời hạn tối đa 10 ngày làm việc, kể từ ngày VPBank nhận được thông báo của Công ty thông tin tín dụng về phương án xử lý thông tin tín dụng.
- Để tránh hiểu nhầm, các bên đều hiểu và thống nhất rằng hoạt động cung cấp thông tin tín dụng cho Ngân hàng nhà nước hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác vẫn được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật và quy định của VPBank.
- 9. Đồng ý rằng VPBank được quyền từ chối/tạm dùng giao dịch, tạm khóa/phong tỏa/đóng/chấm dứt sử dụng đối với Tài khoản thanh toán/Thẻ ghi nợ/Thẻ tín dụng/Hạn mức sử dụng thẻ/Dịch vụ ngân hàng điện tử của Tôi khi xảy ra một trong các trường hợp sau: (i) VPBank nhận thấy cần xác minh thông tin của Tôi và/hoặc giao dịch liên quan đến các sản phẩm, dịch vụ nêu trên của Tôi nhằm mục đích tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan (bao gồm cả quy định pháp luật về phòng, chống rửa tiền) và/hoặc để bảo đảm an toàn cho hoạt động cung ứng và sử dụng các sản phẩm, dịch vụ giữa VPBank và Tôi; (ii) VPBank phát hiện có sai lệch hoặc có dấu hiệu bất thường giữa các thông tin nhận biết khách hàng của Tôi với các yếu tố sinh trắc học của Tôi trong quá trình mở và sử dụng các sản phẩm, dịch vụ; (iii) VPBank có nghi vấn hoặc phát hiện các dấu hiệu bất thường khác đối với Tài khoản thanh toán/Thẻ ghi nợ/Thẻ tín dụng/Hạn mức sử dụng thẻ/Dịch vụ ngân hàng điện tử của Tôi nhằm mục đích bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của Tôi và/hoặc quyền, lợi ích chung của Tôi và VPBank và/hoặc (iv) các trường hợp khác theo Điều kiện giao dịch chung. Việc cho phép tiếp tục giao dịch/tiếp tục sử dụng hoặc chấm dứt tạm khóa/phong tỏa thực hiện theo quy định của VPBank.
- 10. Đồng ý rằng, VPBank có quyền định kỳ hoặc đột xuất (i) thực hiện các biện pháp kiểm tra, kiểm soát quá trình đăng ký và sử dụng Tài khoản thanh toán, Thẻ ghi nợ, Thẻ tín dụng/Hạn mức sử dụng thẻ, Dịch vụ ngân hàng điện tử của Tôi; (ii) thu thập, xác minh bổ sung các thông tin nhận biết khách hàng của Tôi; (iii) áp dụng các biện pháp, chính sách kiểm soát, quản trị rủi ro khác mà VPBank thấy cần thiết để tăng cường an ninh, an toàn cho hoạt động cung ứng và sử dụng các sản phẩm, dịch vụ giữa VPBank và Tôi. Tôi cam kết thực hiện đầy đủ các hướng dẫn, yêu cầu của VPBank liên quan tới các hoạt động nêu trên.
- 11. Trường hợp VPBank xác định có hành vi lừa dối trong quá trình đăng ký sản phẩm, dịch vụ và/hoặc xác lập, giao kết Hợp đồng dẫn đến VPBank có sự hiểu sai lệch về chủ thể tham gia Hợp đồng, sai lệch về tính chất hoặc nội dung sản phẩm, dịch vụ được đăng ký hoặc của giao dịch được thực hiện (VD: thông tin nhận biết khách hàng bị gian lận, giả mạo; thông tin được kê khai không chính xác; điều kiện đăng ký sản phẩm, dịch vụ không đáp ứng,...), Hợp đồng này được xem là vô hiệu. VPBank được quyền đóng Tài khoản thanh toán, Thẻ, Dịch vụ ngân hàng điện tử, chấm dứt Hạn mức sử dụng thẻ mà Tôi đã đăng ký và xử lý các vấn đề phát sinh liên quan (bao gồm cả xử lý số dư trên Tài khoản thanh toán/Thẻ, nếu có) theo các quy định của pháp luật.
- 12. Trường hợp các thông tin về giấy tờ tùy thân (họ tên, số, ngày cấp, nơi cấp, giới tính, ngày tháng năm sinh,...) Tôi đã kê khai tại Giấy Đề nghị kiêm Hợp đồng này khác với thông tin đang lưu trữ trong hệ thống cơ sở dữ liệu của VPBank, Tôi đề nghị VPBank thực hiện cập nhật theo thông tin mới nhất của Tôi kê khai tại Giấy Đề nghị kiêm Hợp đồng này (nội dung này chỉ thực hiện khi hệ thống VPBank đã sẵn sàng).

| IV. PHẦN XÁC NHẬ | N CHẤP THUẬN DÀNH CHO VPBANK | | | | |
|--|--|--|--|--|--|
| 1. Kết quả xác định tr | ạng thái FATCA của KH | | | | |
| (Phần thông tin theo FA hữu của VPBank) | TCA này không bắt buộc phải xác nhận tiếp nếu Chủ thẻ chính đã là Khách hàng hiện | | | | |
| ☐ Không phải là người | Hoa Kỳ | | | | |
| ☐ Người Hoa Kỳ xác đ | inh | | | | |
| ☐ Chủ tài khoản chống | đối là Người Hoa Kỳ | | | | |
| 2. Phần xác nhận của | Ngân hàng về dịch vụ/sản phẩm | | | | |
| VPBank đồng ý cung | g cấp các sản phẩm, dịch vụ sau, cụ thể: | | | | |
| Cấp hạn mức tín | a) Hạn mức tín dụng thẻ được cấp: Được ghi nhận trong thư chào mừng và sao kê | | | | |
| dụng thẻ và phát | hàng tháng của Thẻ tín dụng VPBank gửi cho KH. | | | | |
| hành thẻ tín dụng | b) Thẻ vật lý đầu tiên được phát hành: Thông tin chi tiết được ghi nhận trong thư | | | | |
| | chào mừng gửi Khách hàng và sao kê hàng tháng do VPBank gửi tới Khách hàng | | | | |
| | đối với Thẻ vật lý đầu tiên này ⁷ . | | | | |
| | c) Thẻ phi vật lý đầu tiên được phát hành: Thông tin chi tiết theo thông báo của | | | | |
| | VPBank theo phương thức được VPBank triển khai tại thời điểm thông báo. | | | | |
| | d) Lãi suất và các nội dung khác: Theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng, phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng và quy định của VPBank từng thời kỳ. | | | | |
| Tài khoản thanh toán | Số hiệu và ngày bắt đầu hoạt động của Tài khoản thanh toán sẽ được VPBank thông báo cho Khách hàng qua Email đăng ký tại Mục I của Giấy đăng ký này. | | | | |
| Thể ghi nọ ⁸ | | | | | |
| | Dịch vụ VPBank NEO; | | | | |
| Dịch vụ Ngân hàng | Dịch vụ Phone Banking; | | | | |
| điện tử | Dịch vụ VPBank SMS | | | | |
| V. CHỮ KÝ CỦ | A CÁC BÊN | | | | |
| | Ngàythángnăm | | | | |
| 1. Khách hàng: | | | | | |
| ☐ Khách hàng ký | bằng Chữ ký điện tử: | | | | |
| | Khách hàng | | | | |
| (đã ký | bằng chữ ký điện tử) | | | | |
| | | | | | |
| Khách hàng [Tê | n Khách hàng] đã truy cập vào | | | | |
| |] để thực hiện giao dịch và nhập | | | | |
| _ | iện thoại đăng ký với VPBank | | | | |
| L | | | | | |

 $^{^7}$ Nội dung chỉ hiển thị khi Khách hàng được phê duyệt phát hành thẻ tín dụng phi vật lý 8 Chỉ hiển thị nội dung này trong trường hợp KH đăng ký phát hành thẻ ghi nợ

| Chữ ký 1 | Chữ ký 2 |
|----------------|------------------------------------|
| - · · , | |
| | |
| | |
| | |
| VPBank: | |
| | Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượn |
| | (VPBank) |
| | |